

Số: 08/TB-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2014

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THI GIẢI TOÁN TRÊN INTERNET CẤP TỈNH
NĂM HỌC 2013-2014

Ngày 04/4/2014, Sở GD&ĐT Bắc Giang đã tổ chức kỳ thi cấp tỉnh giải toán qua internet bằng tiếng Việt dành cho học sinh lớp 5, 9, 11 và bằng tiếng Anh dành cho học sinh lớp 4, 8 (ngày 08/4/2014). Căn cứ biên bản làm việc của Hội đồng coi thi và kết quả thi của các em học sinh, Sở GD&ĐT thông báo kết quả thi và triển khai thi cấp toàn quốc như sau:

A. KẾT QUẢ THI

1. Đánh giá chung

- Nhiều đơn vị đã bồi dưỡng và chuẩn bị tốt các điều kiện cho các em học sinh dự thi cấp tỉnh như Phòng GD&ĐT Việt Yên, Lục Nam, THPT Lục Ngạn số 1,...;
- Kỳ thi đã thu hút sự quan tâm, ủng hộ của các bậc phụ huynh và các lực lượng xã hội;
- Nhiều học sinh đã dành thời gian ôn luyện, nỗ lực cố gắng để đạt kết quả cao.

2. Kết quả cụ thể

a. Thi giải toán bằng tiếng Việt

Lớp 5 có 192 học sinh dự thi. Số học sinh đạt điểm trên trung bình là 189 đạt tỉ lệ 98.4 %; số học sinh đạt điểm tối đa 300 điểm là 50 đạt tỉ lệ 26 %, trong đó huyện Việt Yên tham dự 20 học sinh có 17 học sinh đạt điểm tối đa.

Lớp 9 có 196 học sinh dự thi. Số học sinh đạt điểm trên trung bình là 193 đạt tỉ lệ 98.5%; số học sinh đạt điểm tối đa 300 điểm là 30 đạt tỉ lệ 15.3%.

Lớp 11 có 137 học sinh dự thi. Số học sinh đạt điểm trên trung bình là 136 đạt tỉ lệ 76.8 %; số học sinh đạt điểm tối đa 300 điểm là 28 đạt tỉ lệ 20.4%.

b. Thi giải toán bằng tiếng Anh

Lớp 4 có 157 học sinh dự thi. Số học sinh đạt điểm trên trung bình là 142 đạt tỉ lệ 90.4%; không có học sinh đạt điểm tối đa 300 điểm.

Lớp 8 có 173 học sinh dự thi. Số học sinh đạt điểm trên trung bình là 173 đạt tỉ lệ 100 %; số học sinh đạt điểm tối đa 300 điểm là 33 đạt tỉ lệ 19.1%.

(Bảng điểm và danh sách đạt giải đính kèm).

Lưu ý: Các đơn vị kiểm tra lại thông tin của học sinh đạt giải, nếu thông tin chưa chính xác cần báo ngay lại cho Ban tổ chức thi cấp tỉnh để việc cấp giấy chứng nhận đạt giải kỳ thi được chính xác.

B. TRIỂN KHAI THI CẤP TOÀN QUỐC

1. Thành lập các đội tuyển

Căn cứ vào Điều lệ thi giải toán trên internet cấp toàn quốc; theo kết quả dự thi cấp tỉnh, Sở GD&ĐT Bắc Giang thành lập các đội tuyển giải toán bằng tiếng Việt lớp 5, 9, 11 và giải toán bằng tiếng Anh lớp 4, 8 dự thi cấp toàn quốc (mỗi đội tuyển 20 học sinh, danh sách kèm theo).

2. Lịch thi cấp toàn quốc

Kỳ thi cấp toàn quốc được tổ chức ngay tại các tỉnh thành trong cả nước và diễn ra vào ngày 25/4/2014.

Lịch thi cụ thể và địa điểm thi Sở sẽ có thông báo sau.

3. Công tác chuẩn bị cho kỳ thi

a. Các đơn vị thu mỗi học sinh trong các đội tuyển của tỉnh 01 ảnh 3x4 và nộp về Sở (gặp ông Tùng phòng GDTrH) vào ngày **18/04/2014** để làm thẻ dự thi.

b. Các phòng GD&ĐT, các trường THPT có học sinh tham gia đội tuyển lên kế hoạch, phân công giáo viên hướng dẫn, ôn luyện cho học sinh.

- Kiểm tra lại tên hiển thị và ID của học sinh trên trang www.violympic.vn (chỉ có tên và số ID chính xác như trong Quyết định thành lập đội tuyển mới được tham gia thi. Những trường hợp trục trặc như mất tài khoản cần liên hệ ngay với Ban tổ chức cấp tỉnh trước ngày 23/4/2014). Chủ động cập nhật thông tin về kỳ thi trên trang www.violympic.vn.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo và yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lưu VT, GDTrH.

Bản điện tử:

- Các PGD&ĐT (để t/h);
- Các Trường THPT (để t/h);
- Lãnh đạo Sở (để b/c).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



seal
Trần Tuấn Nam

Kỳ thi giải toán cấp huyện
Năm học 2013-2014

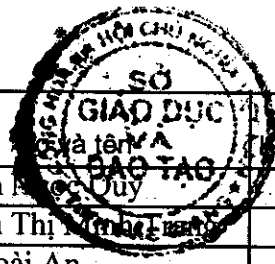


KẾT QUẢ THI LỚP 5

(kèm theo thông báo số: 08 /TB-SGD&ĐT, ngày 14/4/2014)

TT	ID	Họ và tên	Khối	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời gian	Đạt giải	Ghi chú
1	19946712	Võ Minh Trí	5	TH Nghĩa Trung	Việt Yên	300	9'24	Nhất	
2	20273705	Nguyễn Lê Hưng	5	TH Bích Động	Việt Yên	300	13'7	Nhất	
3	20274930	Đỗ Thị Ngân Hà	5	TH Quảng Minh	Việt Yên	300	13'43	Nhất	
4	19896114	Nguyễn Thu Trang	5	TH Việt Tiến 1	Việt Yên	300	13'43	Nhất	
5	20277908	Nguyễn Lê Ngọc Anh	5	TH Bích Động	Việt Yên	300	14'9	Nhất	
6	22120143	Lê Minh Phương	5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	14'32	Nhất	
7	19957993	Vũ Mai Hường	5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	14'42	Nhất	
8	22674075	Nguyễn Thị Trà My	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	300	14'42	Nhất	
9	20277667	Chu Thị Nga	5	TH Tự Lan	Việt Yên	300	14'43	Nhất	
10	19358736	Thân Ngọc Quý Anh	5	TH Bích Động	Việt Yên	300	14'46	Nhất	
11	22118240	Nguyễn Quỳnh Hương	5	TH Minh Đức 2	Việt Yên	300	14'48	Nhì	
12	20274151	Nguyễn Thanh Tùng	5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	14'52	Nhì	
13	19959218	Nguyễn Quang Huy	5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	15'2	Nhì	
14	20274589	Nguyễn Khánh Hằng	5	TH Vân Trung	Việt Yên	300	15'2	Nhì	
15	20275639	Lê Văn Nam	5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	15'21	Nhì	
16	22120026	Đàm Minh Hải	5	TH Ninh Sơn	Việt Yên	300	15'52	Nhì	
17	21701287	Nguyễn Thị Trang	5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	16'17	Nhì	
18	20273683	Nguyễn Thị Đan Hà	5	TH Tự Lan	Việt Yên	300	16'45	Nhì	
19	22610497	Nguyễn Tùng Lâm	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	300	18'16	Nhì	
20	9023227	Đào Thị Hương Trà	5	TH Phương Sơn 1	Lục Ngạn	300	18'28	Nhì	
21	19845927	Phạm Thị Khánh Vân	5	TH Tân Mỹ	TP Bắc	300	18'46	Nhì	
22	22678949	Lê Trường Huy	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	300	19'13	Nhì	
23	896982	Đặng Linh Chi	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	300	20'55	Nhì	
24	12107348	Chu Thị Ngọc Anh	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	300	24'1	Nhì	
25	22836570	Hoàng Văn Anh	5	TH Xương Lâm	Lạng Giang	300	24'34	Nhì	
26	25292004	Trần Thị Duyên	5	TH Chũ	Lục Ngạn	300	24'58	Nhì	
27	1814535	Trần Anh Dũng	5	TH TT Vôi	Lạng Giang	300	25'29	Nhì	
28	12349572	Ngô Quang Mạnh	5	TH Tân Dĩnh	Lạng Giang	300	26'15	Nhì	
29	19263102	Nguyễn Đức Tuấn	5	TH Lê Hồng	TP Bắc	300	26'44	Nhì	
30	19541112	Lăng Việt Khiêm	5	TH Xương Lâm	Lạng Giang	300	28'48	Nhì	
31	13658724	Đỗ Quốc Tuấn	5	TH Tân Dĩnh	Lạng Giang	300	28'56	Ba	
32	22862096	Nguyễn Bình Dương	5	TH Nghĩa Hồ	Lục Ngạn	300	30'18	Ba	
33	25250440	Hà Minh Hiếu	5	TH Chũ	Lục Ngạn	300	30'24	Ba	
34	17994538	Nguyễn Trọng Dương	5	TH Khám Lạng	Lục Nam	300	30'24	Ba	
35	22425525	Trần Xuân Ngọc	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	300	30'24	Ba	
36	20339784	Trương Thế Minh	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	300	30'29	Ba	
37	15241042	Nguyễn Nam Khánh	5	TH Tiên Hưng	Lục Nam	300	30'57	Ba	
38	19371720	Vũ Bình Minh	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	300	30'58	Ba	
39	21446503	Nguyễn Châu Long	5	TH TT Đồi Ngô	Lục Nam	300	32'26	Ba	
40	24906972	Thân Trọng An	5	TH TT Đồi Ngô	Lục Nam	300	32'29	Ba	
41	25253745	Nguyễn Hương Giang	5	TH Chũ	Lục Ngạn	300	33'11	Ba	
42	22528996	Hoàng Hương Giang	5	TH Phương Sơn	Lục Nam	300	33'55	Ba	
43	24299749	Đào Thị Kim Thịnh	5	TH Lan Mẫu	Lục Nam	300	34'22	Ba	
44	19107311	Nguyễn Vũ Mạnh Đức	5	TH Chũ	Lục Ngạn	300	34'25	Ba	
45	25450384	Trương Nguyễn Phương	5	TH Trù Hựu	Lục Ngạn	300	36'15	Ba	
46	19690206	Lê Trường Giang	5	TH Hương Lạc	Lạng Giang	300	37'33	Ba	

TT	ID	Họ và tên	Khối	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời gian	Đạt giải	Ghi chú
47	19113054	Dương Thị Thanh Xuân	5	TH Kiên Thành 2	Lục Ngạn	300	37'36	Ba	
48	19112062	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	5	TH Phương Sơn 1	Lục Ngạn	300	37'50	Ba	
49	23427209	Nguyễn Thủy Dương	5	TH TT An Châu	Sơn Động	300	38'29	Ba	
50	21738046	Nguyễn Quang Minh	5	TH Tiên Hưng	Lục Nam	300	40'48	Ba	
51	20278342	Đỗ Khánh Linh	5	TH Bích Động	Việt Yên	290	14'8	Ba	
52	22087277	Trần Bình Minh	5	TH Tân Đình	Lạng Giang	290	19'7	Ba	
53	23342175	Nguyễn Đức Dương	5	TH TT Neo	Yên Dũng	290	19'19	Ba	
54	19723895	Phạm Trần Quỳnh Chi	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	290	21'4	Ba	
55	19182786	Hoàng Thu Nga	5	TH Song Mai	TP Bắc	290	21'29	Ba	
56	26193081	Ngô Hương Ly	5	TH Chũ	Lục Ngạn	290	22'26	Ba	
57	6662311	Nguyễn Thị Thắng	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	290	22'31	Ba	
58	19722452	Nguyễn Thu Hiền	5	TH Xương Lâm	Lạng Giang	290	22'36	Ba	
59	18775650	Hà Minh Chính	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	290	23'17	Ba	
60	12612584	Nguyễn Thế Minh Quân	5	TH TT Vôi	Lạng Giang	290	23'41	Ba	
61	22376040	Hoàng Tiên Mạnh	5	TH Ngọc Sơn	Hiệp Hoà	290	25'10	KK	
62	19226778	Ngô Thanh Thủy	5	TH Ngọc Sơn	Hiệp Hoà	290	25'35	KK	
63	19282486	Lý Minh Tuệ	5	TH Kiên Thành 2	Lục Ngạn	290	26'11	KK	
64	22674446	Vũ Nguyệt Nga	5	TH Đình Kê	TP Bắc	290	26'30	KK	
65	19166532	Ngô Thị Ngọc Anh	5	TH Quang Thịnh	Lạng Giang	290	26'56	KK	
66	22808101	Nguyễn Đức Khải	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	290	27'10	KK	
67	19995929	Nguyễn Ngọc Mai	5	TH Song Mai	TP Bắc	290	27'55	KK	
68	26312114	Cam Tuấn Nghĩa	5	TH Tân Quang 1	Lục Ngạn	290	28'13	KK	
69	22667076	Nguyễn Thành Duy	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	290	29'43	KK	
70	19282488	Lý Ngọc Huyền	5	TH Kiên Thành 2	Lục Ngạn	290	30'42	KK	
71	18728635	Phan Tiên Đạt	5	TH TT Cao	Tân Yên	290	32'3	KK	
72	23714612	Trần Văn Trang	5	TH Kiên Thành 1	Lục Ngạn	290	33'36	KK	
73	23203552	Phan Thế Hùng	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	290	35'30	KK	
74	23454129	Lương Minh Quang	5	TH TT Cầu Gồ	Yên Thế	290	35'30	KK	
75	22828554	Dương Minh Trang	5	TH Lan Mẫu	Lục Nam	290	36'20	KK	
76	21227183	Nguyễn Minh Quân	5	TH Hoàng Vân	Hiệp Hoà	290	36'47	KK	
77	19445501	Thành Đạt Sát Thủ	5	TH Cao Thượng	Tân Yên	290	37'46	KK	
78	20108879	Phạm Đức Tuyên	5	TH TT Cao	Tân Yên	290	38'4	KK	
79	19563898	Hà Văn Chiến	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	290	38'43	KK	
80	20009044	Nguyễn Đức Bình	5	TH Cẩm Lý	Lục Nam	290	40'15	KK	
81	20843159	Giáp Tiên Dũng	5	TH TT Cao	Tân Yên	290	40'23	KK	
82	19680786	Đào Thị Hồng	5	TH Hương Lạc	Lạng Giang	290	42'13	KK	
83	11523007	Hoàng Ngọc Linh	5	TH Cẩm Đàn	Sơn Động	290	43'9	KK	
84	19197497	Dương Văn Toàn	5	TH Yên Sơn	Lục Nam	280	23'18	KK	
85	19184576	Nguyễn Thị Ngọc Hà	5	TH Lê Hồng	TP Bắc	280	24'5	KK	
86	22661371	Đoàn Hữu Quân	5	TH Đa Mai	TP Bắc	280	26'14	KK	
87	19252723	Nguyễn Trung Kiên	5	TH Trần Phú	TP Bắc	280	26'29	KK	
88	22719796	Hòa Quang Dũng	5	TH Đình Kê	TP Bắc	280	27'18	KK	
89	18923620	Nguyễn Hoàng Duy	5	TH Ngọc Sơn	Hiệp Hoà	280	28'16	KK	
90	19335446	Ngụy Thị Dương	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	280	28'35	KK	
91	18802508	Đặng Lê Quốc Khánh	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	280	30'12	KK	
92	20076779	Nguyễn Hoàng Anh Mai	5	TH TT An Châu	Sơn Động	280	32'8	KK	
93	25253028	Nguyễn Thị Cúc	5	TH Thanh Hải 1	Lục Ngạn	280	32'27	KK	
94	22871576	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	5	TH Nhã Nam	Tân Yên	280	33'11	KK	
95	20689894	Nguyễn Thị Minh Thương	5	TH Đồng Tân	Hiệp Hoà	280	33'39	KK	
96	19113413	Nguyễn Thị Minh Phượng	5	TH Chũ	Lục Ngạn	280	34'10	KK	



TT	ID	Họ và tên	Thời gian	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời gian	Đạt giải	Ghi chú
97	20357434	Nguyễn Hoàng Anh	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	280	35'12	KK	
98	19564123	Nguyễn Thị Minh Trang	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	280	36'12	KK	
99	24287852	Trần Hoài An	5	TH Hoàng Lương	Hiệp Hoà	280	37'13	KK	
100	24000882	Hoàng Văn Dũng	5	TH Tân Sỏi	Yên Thế	280	37'19	KK	
101	19564073	Nguyễn Xuân Hiếu	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	280	40'32	KK	
102	22933902	Vì Thành Tuấn	5	TH TT An Châu	Sơn Động	280	42'49	KK	
103	23223846	Ngô Thu Huyền	5	TH Thanh Sơn	Sơn Động	280	43'36	KK	
104	21463170	Hoàng Anh Tuấn	5	TH TT An Châu	Sơn Động	280	44'31	KK	
105	24351933	Lê Hoàng Anh	5	TH TT Cầu Gồ	Yên Thế	280	45'16	KK	
106	24288182	Đinh Thị Tú Phương	5	TH Hoàng Lương	Hiệp Hoà	270	24'1		
107	22637821	Trần Thị Yên Nhi	5	TH Tân Mỹ	TP Bắc	270	27'52		
108	22807907	Vũ Tuấn Hùng	5	TH Đình Kê	TP Bắc	270	28'7		
109	22828362	Đặng Quý Dương	5	TH Hương Lạc	Lạng Giang	270	31'33		
110	24926141	Nguyễn Văn Quý	5	TH Đức Thắng 1	Hiệp Hoà	270	32'13		
111	23973686	Cáp Trọng Quý	5	TH TT Bồ Hạ	Yên Thế	270	32'56		
112	19359769	Trần Thị Quyên	5	TH TT Cao	Tân Yên	270	37'29		
113	22565198	Nguyễn Thành Đạt	5	TH Lương Phong	Hiệp Hoà	270	40'34		
114	19703780	Nguyễn Thị Thúy Hằng	5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	270	42'4		
115	19408251	Hoàng Thị Minh Thùy	5	TH Kiên Thành 2	Lục Ngạn	270	42'39		
116	26192314	Nguyễn Xuân Thành	5	TH Canh Nừu	Yên Thế	270	43'7		
117	20567526	Đặng Thị Huệ	5	TH Đoàn Bái 2	Hiệp Hoà	270	43'32		
118	21226044	Nguyễn Thị Phương	5	TH Thanh Luận	Sơn Động	270	43'47		
119	19410612	Lê Thị Thom	5	TH Kiên Thành 2	Lục Ngạn	270	45'11		
120	22518370	Chúc Phương Nam	5	TH An Châu	Sơn Động	270	46'28		
121	24692351	Nguyễn Thái Sơn	5	TH TT Cầu Gồ	Yên Thế	270	46'44		
122	21286443	Lê Văn Cao	5	TH Đông Việt	Yên Dũng	260	27'1		
123	22594017	Nguyễn Trung Dũng	5	TH Song Mai	TP Bắc	260	27'32		
124	9948228	Lê Quốc Thịnh	5	TH Nam Hồng	TP Bắc	260	27'57		
125	24007096	Đặng Hải Long	5	TH TT Bồ Hạ	Yên Thế	260	28'49		
126	23620652	Nguyễn Việt Anh	5	TH Danh Thắng	Hiệp Hoà	260	28'58		
127	19420070	Nguyễn Xuân Trung	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	260	30'59		
128	19341827	Dương Hà My	5	TH TT Cao	Tân Yên	260	32'5		
129	23252331	Nguyễn Thị Loan	5	TH Thường	Hiệp Hoà	260	33'15		
130	18063716	Nguyễn Đức Quang Huy	5	TH Đức Thắng 1	Hiệp Hoà	260	40'52		
131	22740759	Dương Thanh Hậu	5	TH Tiên Hưng	Lục Nam	260	40'53		
132	23454509	Phạm Minh Hồng	5	TH Đồng Lạc	Yên Thế	260	41'52		
133	19206920	Dương Hà Nam	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	260	42'23		
134	22908587	Trần Đình Lợi	5	TH Tiên Thắng	Yên Thế	260	46'6		
135	19105574	Nguyễn Hà Chi	5	TH Việt Ngọc	Tân Yên	260	49'19		
136	20498752	Nguyễn Phương Lan	5	TH Ngọc Lý	Tân Yên	260	50'0		
137	20700507	Trần Văn Nam	5	TH TT Néo	Yên Dũng	250	26'3		
138	19008427	Đông Huyền My	5	TH Thái Đào	Lạng Giang	250	32'1		
139	19243880	Nguyễn Tiến Lợi	5	TH Thanh Vân	Hiệp Hoà	250	32'8		
140	20240815	Đặng Thị Khánh Huyền	5	TH Mai Đình 1	Hiệp Hoà	250	36'40		
141	19051220	Phạm Quang Huy	5	TH Nhã Nam	Tân Yên	250	42'22		
142	24151643	Lê Anh Tú	5	TH TT Bồ Hạ	Yên Thế	250	43'34		
143	22358268	Hoàng Kim Anh	5	TH TT Cao	Tân Yên	250	52'16		
144	20279211	Nguyễn Minh Hải	5	TH Bích Sơn	Việt Yên	240	17'15		
145	22694442	Nguyễn Thị Lan Anh	5	TH Đông Thành	TP Bắc	240	23'17		
146	23424872	Nguyễn Thành Long	5	TH Kiên Thành 1	Lục Ngạn	240	29'55		

TT	ID	Họ và tên	Khối	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời gian	Đạt giải	Ghi chú
147	21301765	Nguyễn Văn Tuấn	5	TH Đức Giang	Yên Dũng	240	30'57		
148	20239167	Nguyễn Thị Nhân	5	TH Bảo Đài	Lục Nam	240	34'52		
149	22878054	Hoàng An Kiên	5	TH Xương Lâm	Lạng Giang	240	36'4		
150	26132480	Lê Thị Minh Tâm	5	TH TT Bô Hạ	Yên Thế	240	39'17		
151	22518837	Chu Phương Thảo	5	TH An Châu	Sơn Động	240	39'35		
152	22931179	Phạm Quốc Cường	5	TH TT An Châu	Sơn Động	240	42'18		
153	24299359	Vi Văn Toàn	5	TH Chiên Sơn	Sơn Động	240	44'2		
154	19598911	Lê Văn Tuấn	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	230	20'3		
155	14980208	Hà Hoà Bình	5	TH Quỳnh Sơn	Yên Dũng	230	29'50		
156	25281903	Quách Hữu Khiêm	5	TH Quý Sơn 1	Lục Ngạn	230	31'17		
157	26116655	Vũ Văn Nhi	5	TH Cẩm Đàn	Sơn Động	230	42'31		
158	20050334	Nguyễn Thị Ngọc Linh	5	TH Song Vân	Tân Yên	230	46'4		
159	22120625	Thân Ngọc Đức	5	TH Hồng Thái	Việt Yên	220	4'17		
160	26159352	Nguyễn Văn Hiếu	5	TH Đông Phúc	Yên Dũng	220	28'49		
161	12168129	Nguyễn Nhật Minh	5	TH Mai Trung 2	Hiệp Hoà	220	29'7		
162	22582586	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	220	30'9		
163	23512050	Nguyễn Cẩm Ly	5	TH TT Cao	Tân Yên	220	31'52		
164	19336793	Phạm Anh Tú	5	TH Tân Dân	Yên Dũng	220	37'0		
165	22012409	Nguyễn Thành An	5	TH Đức Thắng 2	Hiệp Hoà	220	44'20		
166	10411410	Đinh Thị Yến Nhi	5	TH Tuấn Đạo	Sơn Động	220	46'59		
167	24139847	Vũ Thiên Cơ	5	TH Hồng Kỳ	Yên Thế	210	14'2		
168	19417753	Hoàng Quốc Huy	5	TH TT Cao	Tân Yên	210	26'54		
169	19166693	Vũ Mạnh Hùng	5	TH Ngọc Lý	Tân Yên	210	31'18		
170	20860307	Nguyễn Văn Thắng	5	TH Song Vân	Tân Yên	210	36'58		
171	22595282	Vương Thanh Tùng	5	TH Tiên Thắng	Yên Thế	210	38'59		
172	21594547	Nguyễn Văn Mùi	5	TH Ngọc Thiện 2	Tân Yên	210	45'4		
173	21010879	Phạm Thị Ngọc Dịu	5	TH Tân Trung	Tân Yên	200	17'49		
174	26272378	Trần Thu Hằng	5	TH Tam Tiên	Yên Thế	200	40'17		
175	23560250	Ngô Quang Sáng	5	TH Xuân Cẩm	Hiệp Hoà	200	44'0		
176	21144072	Trần Thị Trà My	5	TH Cao Xá 2	Tân Yên	200	49'1		
177	23632315	Ngô Việt Anh	5	TH TT An Châu	Sơn Động	200	49'15		
178	17604534	Nguyễn Trung Quân	5	TH Mai Trung 2	Hiệp Hoà	190	35'34		
179	22858537	Vũ Tiên Cảnh	5	TH Bô Hạ	Yên Thế	190	36'53		
180	22518628	Nguyễn Khánh Linh	5	TH An Châu	Sơn Động	180	41'2		
181	23083720	Tăng Quốc Phiên	5	TH Yên Định	Sơn Động	180	41'47		
182	21596892	Dương Thu Hoài	5	TH Cao Xá 2	Tân Yên	180	51'8		
183	22136385	Nguyễn Văn Hưng	5	TH Hoàng Vân	Hiệp Hoà	170	32'32		
184	23182531	Nguyễn Hoài Nam	5	TH Bô Hạ	Yên Thế	170	33'28		
185	23682838	Nguyễn Vũ Duy	5	TH Đồng Hưu	Yên Thế	170	41'54		
186	21472074	Vũ Minh Hòa	5	TH An Bá	Sơn Động	170	43'58		
187	15805398	Dương Trọng Nguyên	5	TH An Lập	Sơn Động	160	37'25		
188	24713972	Triệu Phúc Hiệp	5	TH Xuân Lương	Yên Thế	160	48'45		
189	22129496	Nguyễn Tiên Ca	5	TH Long Sơn	Sơn Động	150	49'32		
190	22182184	Hà Minh Chí	5	TH Hồng Kỳ	Yên Thế	120	35'10		
191	22176168	Ngọc Thanh Huy	5	TH Long Sơn	Sơn Động	110	42'12		
192	16838767	Phạm Ngọc Trung Đức	5	TH An Thượng	Yên Thế	100	29'23		

TT	ID	Họ và tên	Kh	Trường	Huyện/TP	Đi	Thời	Đạt giải	Ghi chú
1	19161533	Nguyễn Minh	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	5'52	Nhất	
2	10841819	Trương Ngọc	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	7'55	Nhất	
3	19347662	Lê Ngọc Khánh	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	8'10	Nhất	
4	12103072	Trương Thị Kim	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	11'5	Nhất	
5	22567908	Nguyễn Văn	9	THCS Thường Thắng	Hiệp Hoà	300	35'12	Nhất	
6	19344699	Trần Giang Nam	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	300	36'41	Nhất	
7	19295908	Nguyễn Thành	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	300	36'47	Nhất	
8	20215055	Cao Thanh Long	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	36'49	Nhất	
9	13113862	Dương Minh	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'3	Nhất	
10	21935018	Trịnh Thị Châm	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'14	Nhất	
11	15814209	Giáp Nhật	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'43	Nhi	
12	18990548	Trần Thị Hương	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'57	Nhi	
13	9453327	Cao Minh Châu	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	38'14	Nhi	
14	23670517	La Quang Tùng	9	THCS Xuân Cầm	Hiệp Hoà	300	38'44	Nhi	
15	18854617	Đào Phương Hoa	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	38'49	Nhi	
16	21525738	Hoàng Thị Minh	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	40'31	Nhi	
17	24793572	Nguyễn Văn	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	41'30	Nhi	
18	18472739	Nguyễn Trung	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	41'34	Nhi	
19	19252849	Hương Linh Chi	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	42'30	Nhi	
20	21500314	Nguyễn Quang	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	42'59	Nhi	
21	12293193	Dương Quang Sỹ	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	300	43'1	Nhi	
22	21393656	Thân Thị Hậu	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	43'3	Nhi	
23	8821279	Phạm Việt Anh	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	43'14	Nhi	
24	26167746	Trịnh Việt Hòa	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	300	44'56	Nhi	
25	19101944	Vũ Thị Dung	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	300	45'3	Nhi	
26	19344531	Hà Mạnh Tuấn	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	300	45'5	Nhi	
27	21930873	Thân Minh Duy	9	THCS Song Mai	TP Bắc	300	45'17	Nhi	
28	21370691	Đàm Hương Ly	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	300	47'12	Nhi	
29	21390456	Ngô Trung Hiếu	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	300	49'10	Nhi	
30	20284743	Phan Văn Tuyên	9	THCS Hồng Thái	Việt Yên	300	49'45	Nhi	
31	19358701	Nông Thị Hương	9	THCS TT An Châu	Sơn Động	290	14'14	Ba	
32	19442400	Nguyễn Thùy	9	THCS TT An Châu	Sơn Động	290	19'58	Ba	
33	19373966	Hoàng Như Đức	9	THCS An Bá	Sơn Động	290	20'27	Ba	
34	19933819	Hoàng Vũ Dũng	9	THCS TT An Châu	Sơn Động	290	21'8	Ba	
35	19295587	Đỗ Văn Khải	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	290	35'41	Ba	
36	19241588	Ngô Hữu Sơn	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	290	35'47	Ba	
37	19385442	Đỗ Xuân Hào	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	290	35'52	Ba	
38	20220613	Vũ Trí Minh Sơn	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	290	37'49	Ba	
39	11906482	Nguyễn Thị	9	DTNT Lục Nam	Lục Nam	290	37'52	Ba	
40	20344927	Diêm Yên	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	290	37'55	Ba	
41	20351772	Đặng Ngọc Bội	9	THCS Nghĩa Phương	Lục Nam	290	39'58	Ba	
42	20219401	Nghiêm Văn	9	THCS Mỹ Hà	Lạng Giang	290	41'38	Ba	
43	24058128	Giáp Anh Tuấn	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	290	41'53	Ba	
44	8649058	Trần Phạm Ngọc	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	290	42'5	Ba	
45	20899888	Hoàng Thị	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	290	42'49	Ba	
46	19348787	Nguyễn Thị Bình	9	THCS Đông Lỗ	Hiệp Hoà	290	42'54	Ba	
47	25081544	Hà Anh Hùng	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	290	43'7	Ba	

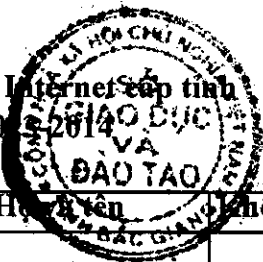
TT	ID	Họ và tên	Khô	Trường	Huyện/TP	Điê	Thời	Đạt giải	Ghi chú
49	19138025	Nguyễn Văn	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	290	44'41	Ba	
50	24169786	Đặng Quang Anh	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	290	45'22	Ba	
51	23335046	Phạm Quang Huy	9	THCS TT Cầu Gò	Yên Thế	290	47'19	Ba	
52	18984375	Nguyễn Anh Tuấn	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	290	47'32	Ba	
53	15372176	Nguyễn Thế Huy	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	290	47'39	Ba	
54	19186501	Vũ Thuý Dương	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	290	48'19	Ba	
55	20809442	Nguyễn Đức	9	THCS Đại Hoá	Tân Yên	290	48'28	Ba	
56	23900979	Dương Thùy	9	THCS Đại Hoá	Tân Yên	290	48'30	Ba	
57	20565038	Phạm Quang Huy	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	290	48'58	Ba	
58	11378482	Nguyễn Văn Dự	9	THCS Xuân Hương	Lạng Giang	290	55'42	Ba	
59	24796996	Trần Thu Thủy	9	DTNT Sơn Động	Sơn Động	280	7'42	KK	
60	3184936	Đỗ Hoàng Anh	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	280	36'24	KK	
61	19075072	Vũ Trí Minh	9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	280	36'50	KK	
62	16815294	Hồ Tuấn Thái	9	THCS Đông Phú	Lục Nam	280	39'51	KK	
63	19990874	Nguyễn Văn	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	280	39'53	KK	
64	19309932	Nguyễn Văn	9	THCS Đông Phú	Lục Nam	280	40'21	KK	
65	19318162	Hoàng Trọng	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	280	41'59	KK	
66	21652505	Ngô Trung Dũng	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	280	41'59	KK	
67	19410547	Đông Khánh	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	280	42'35	KK	
68	21393381	Thân Thị Thu	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	280	42'49	KK	
69	20179599	Vũ Anh Phương	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	280	42'51	KK	
70	20164899	Hoàng Văn Sơn	9	THCS Hợp Thịnh	Hiệp Hoà	280	43'6	KK	
71	24040837	Nguyễn Huy	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	280	43'56	KK	
72	20440831	Nguyễn Văn	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	280	44'2	KK	
73	12149274	Nguyễn Quang	9	THCS Đại Hoá	Tân Yên	280	44'37	KK	
74	20018791	Đặng Thị Liên	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	280	45'17	KK	
75	13459388	Đặng Văn Nam	9	THCS Mai Đình	Hiệp Hoà	280	47'30	KK	
76	19146548	Trần Tài Phú	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	280	48'39	KK	
77	20271111	Ngô Thị Phương	9	THCS Tân Dĩnh	Lạng Giang	280	50'23	KK	
78	21785515	Đào Duy Nam	9	THCS TT Bồ Hạ	Yên Thế	280	50'27	KK	
79	9641087	Trần Đại Dương	9	THCS Nghĩa Hoà	Lạng Giang	280	53'15	KK	
80	24761287	Chu Khánh Duy	9	THCS An Châu	Sơn Động	270	5'16	KK	
81	19744075	Lê Thị Thu Uyên	9	THCS An Lập	Sơn Động	270	5'30	KK	
82	22913054	Vi Quý Đôn	9	THCS TT An Châu	Sơn Động	270	16'27	KK	
83	21233061	Nguyễn Thị Mai	9	THCS Long Sơn	Sơn Động	270	35'16	KK	
84	19313819	Nguyễn Giáp	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	270	36'36	KK	
85	19358683	Lê Mỹ Linh	9	THCS Đức Thắng	Hiệp Hoà	270	39'35	KK	
86	19275295	Đặng Thị Quỳnh	9	THCS Đông Lỗ	Hiệp Hoà	270	41'56	KK	
87	19292400	Nguyễn Thị Lan	9	THCS Hương Lâm	Hiệp Hoà	270	42'47	KK	
88	19102018	Trần Văn Hùng	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	270	44'56	KK	
89	20490265	Ngô Minh Trí	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	270	45'9	KK	
90	21903846	Trương Công	9	THCS Quý Sơn	Lục Ngạn	270	45'22	KK	
91	22631381	Nguyễn Quốc	9	THCS Nghĩa Hồ	Lục Ngạn	270	46'7	KK	
92	21174520	Nguyễn Thị	9	THCS TT Cầu Gò	Yên Thế	270	46'23	KK	
93	5933166	Hoàng Ngọc	9	THCS TT Cầu Gò	Yên Thế	270	46'39	KK	
94	19147084	Mai Tuấn Minh	9	THCS TT Cầu Gò	Yên Thế	270	46'40	KK	
95	19183948	Phạm Nhật	9	THCS TT Bồ Hạ	Yên Thế	270	46'59	KK	
96	19240445	Nguyễn Hải	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	270	47'5	KK	
97	18960250	Nguyễn Thu Hà	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	270	48'5	KK	
98	20670892	Nguyễn Tiên	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	270	49'30	KK	

TT	ID	Họ và tên	Số Khẩu	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời	Đạt giải	Ghi chú
101	19446384	Hoàng Thị Thủy	9	THCS Chiên Sơn	Sơn Động	260	16'1		
102	12877632	Trần Xuân Đào	9	THCS Châu Minh	Hiệp Hoà	260	37'42		
103	19367165	Ngô Thị Ngọc	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	260	39'59		
104	24872487	Nguyễn Văn	9	THCS Tam Dị 2	Lục Nam	260	40'9		
105	25271524	Mai Văn Thọ	9	THCS Huyền Sơn	Lục Nam	260	41'2		
106	20501663	Nguyễn Thị	9	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	260	41'19		
107	20455323	Nguyễn Hà	9	THCS Danh Thắng	Hiệp Hoà	260	41'29		
108	19170535	Trần Công Minh	9	THCS Tân Thịnh	Lạng Giang	260	42'11		
109	19902064	Nguyễn Phương	9	THCS Đức Thắng	Hiệp Hoà	260	43'42		
110	24314671	Đình Quang Đạt	9	THCS Mai Đình	Hiệp Hoà	260	44'39		
111	19537671	Bùi Tuấn Anh	9	THCS Việt Tiến	Việt Yên	260	45'3		
112	11358719	Nguyễn Khả	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	260	45'25		
113	19076100	Nguyễn Văn	9	THCS Đức Thắng	Hiệp Hoà	260	46'39		
114	17189797	Đỗ Lệ Diễm	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	260	46'54		
115	16697061	Nguyễn Nhật	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	260	47'12		
116	20615683	Nguyễn Thị Nga	9	THCS Tân Thịnh	Lạng Giang	260	47'21		
117	19122775	Nguyễn Ngọc	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	260	47'33		
118	19664212	Lê Thị Ánh	9	THCS Việt Lập	Tân Yên	260	47'39		
119	25351290	Trần Minh	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	260	48'26		
120	20897115	Phạm Thị Hường	9	THCS Tân Thịnh	Lạng Giang	260	49'0		
121	7172450	Nguyễn Thị Hà	9	THCS Xương Lâm	Lạng Giang	260	49'59		
122	12350001	Thân Thế Trung	9	THCS TT Vôi	Lạng Giang	260	50'47		
123	21070724	Nguyễn Thị	9	THCS Xuân Hương	Lạng Giang	260	54'54		
124	23645589	Vũ Hương Ly	9	THCS An Lập	Sơn Động	250	29'5		
125	19446446	Vi Thị Kiều	9	THCS Chiên Sơn	Sơn Động	250	29'11		
126	19852065	Lưu Quang Huy	9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	250	37'49		
127	19427755	Bùi Quang	9	THCS Đông Phú	Lục Nam	250	40'40		
128	23656498	Nguyễn Đức	9	THCS Khám Lạng	Lục Nam	250	40'40		
129	12910612	Nguyễn Hương	9	THCS TT Thắng	Hiệp Hoà	250	42'5		
130	20167481	Nguyễn Thị Nga	9	THCS Hợp Thịnh	Hiệp Hoà	250	43'17		
131	26058482	Vũ Thị Hà	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	250	44'10		
132	19461016	Phạm Thị Duyên	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	250	46'5		
133	19400287	Trần Việt Cường	9	THCS TT Cao Thương	Tân Yên	250	46'42		
134	19120726	Vũ Thị Phương	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	250	47'2		
135	11068142	Bùi Thị Tố Uyên	9	DTNT Lục Ngạn	Lục Ngạn	250	48'43		
136	20118438	Lê Huyền Trang	9	THCS Thái Đào	Lạng Giang	250	48'59		
137	20166409	Nguyễn Thị	9	THCS An Hà	Lạng Giang	250	53'6		
138	22768404	Bùi Đình Quảng	9	THCS Tân Mộc	Lục Ngạn	240	35'52		
139	19192886	Dương Thị Việt	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	240	40'15		
140	19986872	Ngô Hương Ly	9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	240	40'18		
141	20351081	Mã Văn Lợi	9	THCS Bảo Sơn	Lục Nam	240	41'47		
142	12221623	Phạm Văn Chung	9	THCS Nam Dương	Lục Ngạn	240	45'34		
143	23335802	Phạm Thị Ngọc	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	240	46'14		
144	22425045	Dương Thị Ngọc	9	THCS Mỹ An	Lục Ngạn	240	46'18		
145	19292227	Nguyễn Tuấn	9	THCS Hương Lâm	Hiệp Hoà	240	46'23		
146	22927318	Dương Thị Yến	9	THCS Mỹ An	Lục Ngạn	240	46'30		
147	20222962	Thân Chí Đạt	9	THCS Hồng Thái	Việt Yên	240	47'12		
148	18927150	Vũ Hải Anh	9	THCS Tân Thịnh	Lạng Giang	240	47'22		
149	19225973	Chu Bá Nghĩa	9	THCS TT Bồ Hạ	Yên Thế	240	47'58		
150	20743328	Nguyễn Đức	9	THCS Quang Thịnh	Lạng Giang	240	50'51		
151	23620141	Trần Văn Tuấn	9	THCS Tiên Lục	Lạng Giang	240	56'5		

TT	ID	Họ và tên	Khối	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời	Đạt giải	Ghi chú
153	21108986	Ngô Thị Vân	9	THCS Mai Trung	Hiệp Hoà	230	39'58		
154	22645092	Vũ Thị Đan	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	230	41'0		
155	11947737	Lương Thị Lan	9	THCS Phương Sơn	Lục Nam	230	41'11		
156	22928114	Vũ Văn Duyệt	9	THCS An Lập	Son Động	230	41'50		
157	18936465	Nguyễn Trọng	9	THCS TT An Châu	Son Động	230	42'27		
158	9227846	Thân Văn Lượng	9	THCS Thanh Luận	Son Động	230	43'48		
159	19821217	Ngô Việt Tân	9	THCS Việt Tiến	Việt Yên	230	45'2		
160	22736614	Nguyễn Văn	9	THCS Tân Liễu	Yên Dũng	230	45'53		
161	10615802	Tạ Đình Sơn	9	THCS Hồng Giang	Lục Ngạn	230	48'26		
162	19395838	Đặng Thị Hồng	9	THCS Đông Lễ	Hiệp Hoà	230	49'21		
163	22390170	Phạm Thị Lan	9	THCS Nguyên Hồng	Tân Yên	230	49'27		
164	12259928	Nguyễn Phương	9	THCS Lương Phong	Hiệp Hoà	230	54'23		
165	24797448	Trần Thị Lan	9	DTNT Sơn Động	Son Động	230	55'42		
166	21662324	Trần Thị Ngọc	9	THCS Đông Sơn	Yên Thế	220	44'17		
167	21472372	Trương Thị	9	THCS Hương Vĩ	Yên Thế	220	50'47		
168	21374435	Nguyễn Văn	9	THCS Hương Sơn	Lạng Giang	220	56'59		
169	19887831	Nguyễn Văn San	9	THCS Thái Sơn	Hiệp Hoà	210	43'29		
170	23940115	Giáp Văn Phong	9	THCS Hương Mai	Việt Yên	210	44'45		
171	5857665	Nguyễn Thị	9	THCS Ngọc Vân	Tân Yên	210	50'28		
172	8738771	Cao Phương	9	THCS An Hà	Lạng Giang	210	52'53		
173	19186966	Lý Ngọc Anh	9	THCS TT Bồ Hạ	Yên Thế	210	55'13		
174	19552842	Giáp Hồng Sơn	9	THCS Lam Cốt	Tân Yên	210	57'9		
175	19982669	Ngô Đăng Minh	9	THCS Lam Cốt	Tân Yên	210	57'22		
176	21044096	Giáp Thị Thúy	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	200	45'5		
177	19135913	Hoàng Trọng	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	200	45'58		
178	19601033	Hoàng Thị Kim	9	THCS TT Neo	Yên Dũng	200	46'35		
179	19480357	Nguyễn Thị	9	THCS Cao Xá	Tân Yên	200	47'55		
180	21924161	Lã Thị Khánh	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	200	49'5		
181	19361072	Tạ Thị Khánh	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	200	51'1		
182	23411993	Nguyễn Tấn Hải	9	THCS Mỹ An	Lục Ngạn	190	44'2		
183	19317465	Bùi Thu Cúc	9	THCS Xương Lâm	Lạng Giang	190	51'3		
184	19241928	Trần Xuân Toàn	9	THCS Hợp Đức	Tân Yên	170	43'30		
185	21065363	Giáp Thị Thùy	9	THCS Hồng Giang	Lục Ngạn	170	45'18		
186	20020909	Diêm Thị Thuận	9	THCS Phúc Sơn	Tân Yên	170	50'39		
187	21135829	Phạm Thị Ngọc	9	THCS Hương Vĩ	Yên Thế	160	20'50		
188	24719285	Nguyễn Thanh	9	THCS Cẩm Lý	Lục Nam	160	35'25		
189	23553520	Nguyễn Thị	9	THCS TT Nềnh	Việt Yên	150	41'2		
190	19242279	Trần Thị Thanh	9	THCS Hợp Đức	Tân Yên	150	42'7		
191	24779501	Hoàng Xuân	9	THCS Quý Sơn 2	Lục Ngạn	150	47'12		
192	23366348	Nguyễn Tuấn	9	THCS Trần Phú	TP Bắc	150	47'32		
193	23037724	Phạm Đức Đoàn	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	150	57'56		
194	19550225	Chu Thị Hoa	9	THCS Quế Sơn	Son Động	140	50'28		
195	21301348	Hứa Thị Huyền	9	THCS Đồng Vương	Yên Thế	140	51'24		
196	19121700	Tạ Thúy Hiền	9	THCS TT Cầu Gồ	Yên Thế	140	56'3		

Kỳ thi giải toán qua Internet cấp tỉnh

Năm học 2013-2014



KẾT QUẢ THI LỚP 11

(kèm theo thông báo số: 08 /TB-SGD&ĐT, ngày 14/4/2014)

TT	ID	Họ và tên	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời	Đạt giải	Ghi
1	15344203	Vũ Văn Hưng	11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	300	22'16	Nhất
2	25801137	Nguyễn Thị Hoài	11	THPT Lục Nam	Lục Nam	300	22'51	Nhất
3	22393079	Nguyễn Nam Sơn	11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	300	25'11	Nhất
4	20087862	Nguyễn Vũ Bản	11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	27'2	Nhất
5	16698623	Nguyễn Cao Sơn	11	THPT Yên Thế	Yên Thế	300	27'7	Nhất
6	20523268	Nguyễn Thị Thanh	11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	300	28'19	Nhất
7	20155101	Nguyễn Đình Minh	11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	28'33	Nhất
8	20017839	Công Đình Nguyễn	11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	28'54	Nhì
9	13163423	Nguyễn Hải Tân	11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	29'39	Nhì
10	19181577	Nguyễn Thị Lý	11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	300	29'51	Nhì
11	20772503	Lê Huyền Linh	11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	29'51	Nhì
12	6948257	Tạ Văn Cường	11	THPT Hiệp Hoà 3	Hiệp Hoà	300	30'27	Nhì
13	25485819	Nguyễn Thị Lan Anh	11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	300	32'37	Nhì
14	22162887	Nguyễn Thị Thanh	11	THPT Bồ Hạ	Yên Thế	300	32'43	Nhì
15	23323498	Nguyễn Đình Lực	11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	35'14	Nhì
16	11186824	Lưu Thị Thúy Quỳnh	11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	35'15	Nhì
17	24344854	Giáp Văn Hoàng	11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	300	35'26	Nhì
18	19815077	Lã Duy Khánh	11	THPT Yên Thế	Yên Thế	300	36'26	Nhì
19	24417598	Nguyễn Thị Ngọc	11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	300	36'51	Nhì
20	20752738	Nguyễn Văn Trường	11	THPT Bồ Hạ	Yên Thế	300	37'1	Nhì
21	25779663	Vũ Mạnh Cường	11	THPT Lục Nam	Lục Nam	300	38'57	Nhì
22	25959338	Lăng Thái San	11	THPT Chuyên Bắc	TP Bắc	300	39'15	Nhì
23	23148298	Hoàng Thị Lương	11	THPT Việt Yên 2	Việt Yên	300	41'29	Nhì
24	19422024	Hoàng Thị Trang	11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	300	41'33	Nhì
25	25620976	Bùi Văn Thái	11	THPT Phương Sơn	Lục Nam	300	42'13	Nhì
26	26088856	Nguyễn Văn Tiến	11	THPT Chuyên Bắc	TP Bắc	300	43'0	Nhì
27	20433980	Nguyễn Đức Thắng	11	THPT Lạng Giang 2	Lạng Giang	300	44'37	Nhì
28	22023592	Giáp Văn Đoàn	11	THPT Yên Dũng 2	Yên Dũng	300	44'42	Nhì
29	20775105	Nguyễn Văn Nam	11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	290	25'37	Ba
30	19572115	Lương Thị Hoa	11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	290	28'26	Ba
31	22128378	Lê Văn Bảo	11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	290	29'32	Ba
32	12205479	Tô Xuân Hoàn	11	THPT Hiệp Hoà 3	Hiệp Hoà	290	30'26	Ba
33	22622458	Đoàn Sỹ Hùng	11	THPT Chuyên Bắc	TP Bắc	290	35'25	Ba
34	24412470	Dương Văn Sỹ	11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	290	36'21	Ba
35	26211301	Nguyễn Thị Thu Hiền	11	THPT Phương Sơn	Lục Nam	290	37'22	Ba
36	25279184	Nguyễn Thị Nhung	11	THPT Chuyên Bắc	TP Bắc	290	37'29	Ba
37	22137231	Nguyễn Ngọc Quang	11	THPT Yên Dũng 3	Yên Dũng	290	38'2	Ba
38	19628281	Hồ Anh Dũng	11	THPT Sơn Động 1	Sơn Động	290	38'13	Ba
39	2031601	Nguyễn Anh Dũng	11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	290	39'36	Ba
40	22741083	Nguyễn Mạnh Duy	11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	290	39'57	Ba
41	21966452	Ngô Tuấn Hùng	11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	290	40'13	Ba
42	25989713	Trương Phương Dung	11	THPT Phương Sơn	Lục Nam	290	40'32	Ba
43	22568666	Đào Văn Thế	11	THPT Yên Dũng 3	Yên Dũng	290	40'50	Ba
44	19559906	Nguyễn Thị Dung	11	THPT Yên Dũng 1	Yên Dũng	290	41'48	Ba
45	18952765	Nguyễn Thị Hương	11	THPT Yên Dũng 2	Yên Dũng	290	42'27	Ba
46	23588328	Hoàng Văn Linh	11	THPT Tân Yên 2	Tân Yên	290	43'19	Ba

TT	ID	Họ và tên	Khô	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời	Đạt giải	Ghi
47	20027159	Phạm Thị Huyền	11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	290	48'23	Ba	
48	19932476	Mai Thị Hằng	11	THPT Lạng Giang 2	Lạng Giang	290	49'5	Ba	
49	22774323	Phù Văn Hiệp	11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	290	50'17	Ba	
50	5784162	Nguyễn Thị Hiền	11	THPT Lý Thường Kiệt	Việt Yên	280	21'8	KK	
51	26053713	Nguyễn Mạnh Dũng	11	THPT Chuyên Bắc	TP Bắc	280	24'32	KK	
52	20027179	Ngô Tiên Doanh	11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	280	32'14	KK	
53	21024907	Nguyễn Minh Hiếu	11	THPT Bồ Hạ	Yên Thế	280	32'22	KK	
54	24219364	Tạ Thùy Dương	11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	280	32'40	KK	
55	14785721	Dương Công Hiệu	11	THPT Lý Thường Kiệt	Việt Yên	280	33'1	KK	
56	25505029	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11	THPT Lục Ngạn 3	Lục Ngạn	280	37'29	KK	
57	5880298	Tạ Đức Thịnh	11	THPT Hiệp Hoà 3	Hiệp Hoà	280	37'40	KK	
58	6238990	Nguyễn Minh Tuấn	11	THPT Yên Dũng 1	Yên Dũng	280	38'9	KK	
59	19654827	Hoàng Thu Trang	11	THPT Sơn Động 1	Sơn Động	280	38'21	KK	
60	19400962	Hoàng Thị Tuyết	11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	280	38'52	KK	
61	1644306	Dương Văn Quyết	11	THPT Lục Nam	Lục Nam	280	39'53	KK	
62	19668541	Nguyễn Khánh Ly	11	THPT Sơn Động 1	Sơn Động	280	40'50	KK	
63	25579918	Vũ Mạnh Hùng	11	THPT Phương Sơn	Lục Nam	280	42'34	KK	
64	22478186	Diêm Đăng Huy	11	THPT Yên Thế	Yên Thế	280	43'26	KK	
65	26106813	Mạc Thị Mỹ Linh	11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	280	43'37	KK	
66	19426006	Thân Ngọc Minh	11	THPT Lạng Giang 3	Lạng Giang	280	44'39	KK	
67	19919506	Bùi Văn Hưng	11	THPT Lạng Giang 3	Lạng Giang	280	45'50	KK	
68	21660023	Hoàng Văn Khương	11	DTNT Tĩnh	TP Bắc	280	46'33	KK	
69	22484311	Nguyễn Hữu Bắc	11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	280	47'8	KK	
70	22039114	Lê Thị Trang	11	THPT Thái Thuận	TP Bắc	280	47'13	KK	
71	23148726	Giáp Thị Lý	11	THPT Việt Yên 2	Việt Yên	280	48'2	KK	
72	20979938	Trần Văn Thanh	11	THPT Bồ Hạ	Yên Thế	280	48'13	KK	
73	25789154	Hoàng Minh Ngọc	11	THPT Lục Nam	Lục Nam	270	33'37		
74	2002376	Đoàn Văn Đức	11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	270	33'41		
75	22473434	Lục Thị Huyền Ngọc	11	THPT Yên Thế	Yên Thế	270	33'47		
76	21549169	Phạm Hải Hoàng	11	THPT Lạng Giang 3	Lạng Giang	270	35'15		
77	25780856	Nguyễn Phương Tùng	11	THPT Lục Nam	Lục Nam	270	40'49		
78	22959499	Hồ Công Hoàng	11	THPT Lục Ngạn 3	Lục Ngạn	270	43'30		
79	23338594	Lương Quốc Đạt	11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	270	44'12		
80	21274365	Ngô Tiên Dũng	11	THPT Thái Thuận	TP Bắc	270	44'33		
81	18691753	Trần Thị Thủy Tiên	11	THPT Tân Yên 2	Tân Yên	270	44'54		
82	24139783	Nguyễn Đình Tuyên	11	THPT Lý Thường Kiệt	Việt Yên	270	45'2		
83	23147312	Nguyễn Xuân Luận	11	THPT Việt Yên 2	Việt Yên	270	45'43		
84	21654625	Dương Quang Trường	11	THPT Tân Yên 2	Tân Yên	270	45'50		
85	22174983	Nguyễn Ngọc Thanh	11	THPT Lý Thường Kiệt	Việt Yên	270	48'16		
86	19121251	Dương Văn Bình	11	THPT Hiệp Hoà 4	Hiệp Hoà	270	49'19		
87	24890933	Vũ Văn Hoàng Nam	11	THPT Lục Ngạn 3	Lục Ngạn	270	50'7		
88	21659758	Nông Thu Hằng	11	DTNT Tĩnh	TP Bắc	270	52'24		
89	12890261	Chu Minh Quý	11	THPT Lạng Giang 2	Lạng Giang	270	54'23		
90	21254522	Nguyễn Xuân Sơn	11	THPT Thái Thuận	TP Bắc	260	40'37		
91	5670228	Hà Quý Dũng	11	THPT Bồ Hạ	Yên Thế	260	44'55		
92	23647169	Nguyễn Thị Huệ	11	THPT Hiệp Hoà 3	Hiệp Hoà	260	45'13		
93	21942080	Hà Phương Nam	11	THPT Thái Thuận	TP Bắc	260	47'56		
94	20777476	Lục Thị Liên	11	DTNT Lục Ngạn	Lục Ngạn	260	48'29		
95	21844048	Hồ Anh Đức	11	THPT Nhã Nam	Tân Yên	260	48'58		
		Đỗ Khắc Hùng	11	THPT Việt Yên 2	Việt Yên	250	41'54		

TT	ID	Họ và tên	Khô	Trường	Huyện/TP	Điểm	Thời	Đạt giải	Ghi
98	6235438	Hoàng Thị Dung	11	THPT Lạng Giang 3	Lạng Giang	250	43'7		
99	23589152	Hoàng Thị Đào	11	THPT Tân Yên 2	Tân Yên	250	48'50		
100	18705775	Ngô Tiến Thuận	11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	250	50'52		
101	23267832	Vi Văn Bắc	11	THPT Lục Ngạn 2	Lục Ngạn	250	51'23		
102	21598459	Đào Thu Huyền	11	THPT Nhã Nam	Tân Yên	240	37'42		
103	23252344	Tào Tiên Hoàn	11	THPT Lục Ngạn 2	Lục Ngạn	240	45'38		
104	23252136	Thân Văn Đoàn	11	THPT Lục Ngạn 2	Lục Ngạn	240	45'44		
105	21608181	Mai Văn Đạt	11	THPT Nhã Nam	Tân Yên	240	48'47		
106	20424244	Phùng Thế Lâm	11	THPT Yên Dũng 1	Yên Dũng	240	48'57		
107	26211293	Nguyễn Thị Phương	11	THPT Phương Sơn	Lục Nam	230	36'11		
108	23080864	Nguyễn Nguyên Vũ	11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	230	39'44		
109	20333738	Phạm Văn Đạt	11	THPT Yên Dũng 3	Yên Dũng	230	43'23		
110	19950787	Nguyễn Thị Lan	11	THPT Tân Yên 2	Tân Yên	230	43'35		
111	19150269	Nguyễn Phương Hồng	11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	230	46'21		
112	9330201	Nguyễn Thị Trang	11	THPT Lạng Giang 2	Lạng Giang	230	48'0		
113	19959649	Phạm Văn Thuật	11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	220	25'51		
114	20085118	Nguyễn Thị Quỳnh	11	THPT Yên Dũng 3	Yên Dũng	220	33'45		
115	20706627	Hoàng Văn Bình	11	THPT Yên Dũng 2	Yên Dũng	220	40'41		
116	5945084	Vũ Quỳnh Thu	11	THPT Yên Dũng 1	Yên Dũng	220	41'36		
117	21175787	Lương Đức Hòa	11	THPT Yên Dũng 1	Yên Dũng	220	45'56		
118	23344863	Lưu Quang Khải	11	DTNT Tỉnh	TP Bắc	220	49'25		
119	19579222	Nguyễn Thị Minh	11	THPT Sơn Động 1	Sơn Động	220	51'1		
120	21157581	Dương Hoa Mai	11	THPT Hiệp Hoà 4	Hiệp Hoà	220	52'6		
121	22611138	Nguyễn Thị Huế	11	THPT Thái Thuận	TP Bắc	220	55'18		
122	25113102	Ngọc Văn Thùy	11	DTNT Sơn Động	Sơn Động	220	56'1		
123	14907218	Vũ Tuấn Anh	11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	210	27'27		
124	22148134	Nguyễn Văn Dương	11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	210	40'32		
125	20202900	Trần Văn Sang	11	THPT Yên Dũng 3	Yên Dũng	210	43'15		
126	26326356	Dương Đức Thanh	11	THPT Lạng Giang 2	Lạng Giang	210	44'46		
127	14907399	Nguyễn Văn Cường	11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	200	50'14		
128	23252470	Bùi Thị Năng	11	THPT Lục Ngạn 2	Lục Ngạn	190	44'31		
129	23252443	Đinh Văn Kiệt	11	THPT Lục Ngạn 2	Lục Ngạn	190	49'51		
130	24347064	Nguyễn Thị Hương	11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	180	36'35		
131	19913257	Nguyễn Thanh Uyên	11	DTNT Lục Ngạn	Lục Ngạn	180	37'51		
132	21661614	Đỗ Duy Côn	11	DTNT Tỉnh	TP Bắc	170	38'59		
133	8528896	Dương Minh Anh	11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc	170	43'12		
134	24262821	Nguyễn Thị Phượng	11	THPT Lý Thường Kiệt	Việt Yên	170	46'38		
135	21669464	Đỗ Văn Hiếu	11	THPT Hiệp Hoà 4	Hiệp Hoà	170	51'26		
136	22697940	Dương Thị Nụ	11	THPT Nhã Nam	Tân Yên	160	40'44		
137	23648911	Đinh Công Minh	11	DTNT Sơn Động	Sơn Động	140	46'24		

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG

DANH SÁCH ĐỘI TUYỂN TỈNH BẮC GIANG THAM GIA THI GIẢI TOÁN QUA MẠNG INTERNET CẤP TOÀN QUỐC

(kèm theo thông báo số 1034/TB-SGDĐT, ngày 14/4/2014)

STT	ID	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Trường	Huyện (TP)	Điểm	Thời gian	Giải	Đội tuyển
1	19946712	Võ Minh Trí		5	TH Nghĩa Trung 1	Việt Yên	300	9'24	Nhất	Toán lớp 5
2	20273705	Nguyễn Lê Hưng		5	TH Bích Động	Việt Yên	300	13'7	Nhất	Toán lớp 5
3	20274930	Đỗ Thị Ngân Hà		5	TH Quảng Minh 2	Việt Yên	300	13'43	Nhất	Toán lớp 5
4	19896114	Nguyễn Thu Trang		5	TH Việt Tiến 1	Việt Yên	300	13'43	Nhất	Toán lớp 5
5	20277908	Nguyễn Lê Ngọc Anh		5	TH Bích Động	Việt Yên	300	14'9	Nhất	Toán lớp 5
6	22120143	Lê Minh Phương		5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	14'32	Nhất	Toán lớp 5
7	19957993	Vũ Mai Hương		5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	14'42	Nhất	Toán lớp 5
8	22674075	Nguyễn Thị Trà My		5	TH Tân Thịnh	Lạng Giang	300	14'42	Nhất	Toán lớp 5
9	20277667	Chu Thị Nga		5	TH Tự Lan	Việt Yên	300	14'43	Nhất	Toán lớp 5
10	19358736	Thân Ngọc Quý Anh		5	TH Bích Động	Việt Yên	300	14'46	Nhất	Toán lớp 5
11	22118240	Nguyễn Quỳnh Hương		5	TH Minh Đức 2	Việt Yên	300	14'48	Nhì	Toán lớp 5
12	20274151	Nguyễn Thanh Tùng		5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	14'52	Nhì	Toán lớp 5
13	19959218	Nguyễn Quang Huy		5	TH Bích Sơn	Việt Yên	300	15'2	Nhì	Toán lớp 5
14	20274589	Nguyễn Khánh Hằng		5	TH Vân Trung	Việt Yên	300	15'2	Nhì	Toán lớp 5
15	20275639	Lê Văn Nam		5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	15'21	Nhì	Toán lớp 5
16	22120026	Đàm Minh Hải		5	TH Ninh Sơn	Việt Yên	300	15'52	Nhì	Toán lớp 5
17	21701287	Nguyễn Thị Trang		5	TH Tăng Tiên	Việt Yên	300	16'17	Nhì	Toán lớp 5
18	20273683	Nguyễn Thị Đan Hà		5	TH Tự Lan	Việt Yên	300	16'45	Nhì	Toán lớp 5
19	22610497	Nguyễn Tùng Lâm		5	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	18'16	Nhì	Toán lớp 5
20	9023227	Đào Thị Hương Trà		5	TH Phương Sơn 1	Lục Ngạn	300	18'28	Nhì	Toán lớp 5
21	19161533	Nguyễn Minh Dương		9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	5'52	Nhất	Toán lớp 9
22	10841819	Trương Ngọc Giang		9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	7'55	Nhất	Toán lớp 9
23	19347662	Lê Ngọc Khánh		9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	8'10	Nhất	Toán lớp 9
24	12103072	Trương Thị Kim Chi		9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	11'5	Nhất	Toán lớp 9
25	22567908	Nguyễn Văn Chiến		9	THCS Thường Thắng	Hiệp Hoà	300	35'12	Nhất	Toán lớp 9
26	19344699	Trần Giang Nam		9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	300	36'41	Nhất	Toán lớp 9
27	19295908	Nguyễn Thành Lâm		9	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	300	36'47	Nhất	Toán lớp 9
28	20215055	Cao Thanh Long		9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	36'49	Nhất	Toán lớp 9
29	13113862	Dương Minh Nam		9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'3	Nhất	Toán lớp 9
30	21935018	Trịnh Thị Châm		9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'14	Nhất	Toán lớp 9
31	15814209	Giáp Nhật Trường Sơn		9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'43	Nhì	Toán lớp 9
32	18990548	Trần Thị Hương Giang		9	THCS Tiên Hưng	Lục Nam	300	37'57	Nhì	Toán lớp 9

STT	ID	Họ và tên	Ngày sinh	Khối lớp	Trường	Huyện (TP)	Điểm	Thời gian	Giải	Đội tuyển
33	9453327	Cao Minh Châu		9	THCS Trần Hưng	Lục Nam	300	38'14	Nhì	Toán lớp 9
34	23670517	La Quang Tùng		9	THCS Trần Hưng	Hiệp Hoà	300	38'44	Nhì	Toán lớp 9
35	18854617	Đào Phương Hoa		9	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	38'49	Nhì	Toán lớp 9
36	21525738	Hoàng Thị Minh Thúy		9	THCS Trần Phú	TP Bắc Giang	300	40'31	Nhì	Toán lớp 9
37	24793572	Nguyễn Văn Thắng		9	THCS Trần Phú	TP Bắc Giang	300	41'30	Nhì	Toán lớp 9
38	18472739	Nguyễn Trung Nghĩa		9	THCS Trần Phú	TP Bắc Giang	300	41'34	Nhì	Toán lớp 9
39	19252849	Hương Linh Chi		9	THCS Trần Phú	TP Bắc Giang	300	42'30	Nhì	Toán lớp 9
40	21500314	Nguyễn Quang Vụ		9	THCS Trần Phú	TP Bắc Giang	300	42'59	Nhì	Toán lớp 9
41	15344203	Vũ Văn Hưng		11	THPT Cẩm Lý	Lục Nam	300	22'16	Nhất	Toán lớp 11
42	25801137	Nguyễn Thị Hoài		11	THPT Lục Nam	Lục Nam	300	22'51	Nhất	Toán lớp 11
43	22393079	Nguyễn Nam Sơn		11	THPT Lạng Giang 1	Lạng Giang	300	25'11	Nhất	Toán lớp 11
44	20087862	Nguyễn Vũ Bản		11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	27'2	Nhất	Toán lớp 11
45	16698623	Nguyễn Cao Sơn		11	THPT Yên Thế	Yên Thế	300	27'7	Nhất	Toán lớp 11
46	20523268	Nguyễn Thị Thanh Nhân		11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	300	28'19	Nhất	Toán lớp 11
47	20155101	Nguyễn Đình Minh		11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	28'33	Nhất	Toán lớp 11
48	20017839	Công Đình Nguyễn		11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	28'54	Nhì	Toán lớp 11
49	13163423	Nguyễn Hải Tân		11	THPT Lục Ngạn 1	Lục Ngạn	300	29'39	Nhì	Toán lớp 11
50	19181577	Nguyễn Thị Lý		11	THPT Hiệp Hoà 2	Hiệp Hoà	300	29'51	Nhì	Toán lớp 11
51	20772503	Lê Huyền Linh		11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	29'51	Nhì	Toán lớp 11
52	6948257	Tạ Văn Cường		11	THPT Hiệp Hoà 3	Hiệp Hoà	300	30'27	Nhì	Toán lớp 11
53	25485819	Nguyễn Thị Lan Anh		11	THPT Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	32'37	Nhì	Toán lớp 11
54	22162887	Nguyễn Thị Thanh Loan		11	THPT Bó Hạ	Yên Thế	300	32'43	Nhì	Toán lớp 11
55	23323498	Nguyễn Đình Lực		11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	35'14	Nhì	Toán lớp 11
56	11186824	Lưu Thị Thúy Quỳnh		11	THPT Hiệp Hoà 1	Hiệp Hoà	300	35'15	Nhì	Toán lớp 11
57	24344854	Giáp Văn Hoàng Quyết		11	THPT Tân Yên 1	Tân Yên	300	35'26	Nhì	Toán lớp 11
58	19815077	Lã Duy Khánh		11	THPT Yên Thế	Yên Thế	300	36'26	Nhì	Toán lớp 11
59	24417598	Nguyễn Thị Ngọc		11	THPT Việt Yên 1	Việt Yên	300	36'51	Nhì	Toán lớp 11
60	20752738	Nguyễn Văn Trường		11	THPT Bó Hạ	Yên Thế	300	37'1	Nhì	Toán lớp 11
61	19334069	Giáp Mạnh Hiếu		4	TH Đông Thành	TP Bắc Giang	290	23'54		Toán lớp 4
62	19392602	Dương Quốc Cường		4	TH Đình Kê	TP Bắc Giang	290	31'5		Toán lớp 4
63	19266678	Lê Thế Phương Minh		4	TH Võ Thị Sáu	TP Bắc Giang	280	19'5		Toán lớp 4
64	19255731	Đỗ Đăng Dương		4	TH Nam Hồng	TP Bắc Giang	280	23'18		Toán lớp 4
65	19329026	Lại Thu Huyền		4	TH Thị Trấn	Yên Dũng	280	28'28		Toán lớp 4
66	19402558	Trần Thu Huyền		4	TH Thị Trấn	Yên Dũng	280	34'18		Toán lớp 4
67	19367305	Nguyễn Thế Văn		4	TH Thị Trấn Thắng	Hiệp Hoà	280	38'0		Toán lớp 4

STT	ID	Họ và tên	Ngày sinh	Khối	Trường	Huyện (TP)	Điểm	Thời gian	Giải	Đội tuyển
68	19500023	Nguyễn Ngọc Chiến		4	TH Thị Trấn Núi	Lục Nam	280	38'10		Toán lớp 4
69	19452936	Nguyễn Trang Nhung		4	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	270	16'17		Toán lớp 4
70	19350830	Lê Hoàn Anh		4	TH Phạm Mưu	Lạng Giang	270	32'5		Toán lớp 4
71	19390089	Nguyễn Thị Vân Khánh		4	TH Thị Trấn Núi	Lạng Giang	270	34'27		Toán lớp 4
72	19381736	Vũ Đức Phong		4	TH Thị Trấn	Yên Dũng	270	37'56		Toán lớp 4
73	19351097	Triệu Vũ Hùng		4	TH Đức Thắng 1	Hiệp Hoà	270	39'4		Toán lớp 4
74	19384360	Lương Thế Quyền		4	TH Quê Nham	Tân Yên	270	46'46		Toán lớp 4
75	19370443	Nguyễn Đức An		4	TH Thị Trấn Thăng	Hiệp Hoà	260	15'57		Toán lớp 4
76	19377854	Chu Thị Thu		4	TH Tân Dân	Yên Dũng	260	18'19		Toán lớp 4
77	19451923	Lê Thị Minh Tâm		4	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	260	23'47		Toán lớp 4
78	19366215	Vũ Thị Thu Trang		4	TH Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	260	26'5		Toán lớp 4
79	19499817	Nguyễn Việt Hoàng		4	TH Thị Trấn Đồi Ngô	Lục Nam	260	28'43		Toán lớp 4
80	19361763	Dương Thế Khải		4	TH Lê Hồng Phong	TP Bắc Giang	260	30'36		Toán lớp 4
81	18979531	Trần Quang Doanh		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	8'37		Toán lớp 8
82	19378589	Nguyễn Ngọc Hà		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	11'9		Toán lớp 8
83	19199658	Nguyễn Văn Hoàng		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	11'43		Toán lớp 8
84	19251250	Phạm Văn Cấp		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	13'0		Toán lớp 8
85	19344084	Lương Công Khánh		8	THCS Thị Trấn Cao Thương	Tân Yên	300	15'45		Toán lớp 8
86	19365055	Vương Đình Ân		8	THCS Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	18'46		Toán lớp 8
87	19402571	Nguyễn Quang Huy		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	19'19		Toán lớp 8
88	19227978	Nguyễn Chí Thành		8	THCS Xuân Phú	Yên Dũng	300	19'31		Toán lớp 8
89	19349558	Nguyễn Thu Thủy		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	19'37		Toán lớp 8
90	19190663	Nguyễn Hồng Thủy		8	THCS Thị Trấn Kép	Lạng Giang	300	20'26		Toán lớp 8
91	19358285	Nguyễn Việt Hiếu		8	THCS Trần Hưng Đạo	Lục Ngạn	300	22'0		Toán lớp 8
92	19107850	Phạm Trọng Đại		8	THCS Ngọc Sơn	Hiệp Hoà	300	22'32		Toán lớp 8
93	19413402	Thân Trường Phước		8	THCS Thị Trấn Cao Thương	Tân Yên	300	22'49		Toán lớp 8
94	19260347	Nguyễn Minh Đức		8	THCS Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	23'17		Toán lớp 8
95	19432947	Đào Nhật Cường		8	THCS Đồi Ngô	Lục Nam	300	23'27		Toán lớp 8
96	19263051	Nguyễn Thế Chính		8	THCS Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	24'33		Toán lớp 8
97	19394958	Ngô Ngọc Đức		8	THCS Thân Nhân Trung	Việt Yên	300	25'19		Toán lớp 8
98	19392130	Nguyễn Thị Hải Yên		8	THCS Thị Trấn Cao Thương	Tân Yên	300	25'27		Toán lớp 8
99	19373243	Lê Thu Hà		8	THCS Ngô Sỹ Liên	TP Bắc Giang	300	26'5		Toán lớp 8
100	19369130	Trịnh Thu Nga		8	THCS Thị Trấn Bồ Hạ	Yên Thế	300	27'11		Toán lớp 8